

Số: 030 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Hoá chất Đức Giang Lào Cai

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Hoá chất Đức Giang Lào Cai (gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, báo cáo kiểm toán đề ngày 10/02/2010, trong đó đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 02 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục. Tại ngày 31/12/2010, tổng nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 29.842.979.677 đồng. Điều này cho thấy sự mất cân đối về khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty, theo đó ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đã có kế hoạch kinh doanh trong thời gian tới, kế hoạch này được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 02 trong phần Thuyết minh báo cáo tài chính.



Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0517/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2011



Trịnh Thị Hồng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0026/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		98.867.501.821	33.445.118.202
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	8.229.644.859	290.634.170
1. Tiền	111		8.229.644.859	290.634.170
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		46.075.453.690	109.200.000
1. Phải thu khách hàng	131		32.900.786.880	13.200.000
2. Trả trước cho người bán	132		12.229.362.820	96.000.000
3. Các khoản phải thu khác	135		945.303.990	-
III. Hàng tồn kho	140		38.863.813.916	31.128.797.353
1. Hàng tồn kho	141	5	38.863.813.916	31.128.797.353
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.698.589.356	1.916.486.679
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.931.421.466	1.913.486.679
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		325.000.000	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		442.167.890	3.000.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+260)	200		138.552.924.841	127.557.001.302
I. Tài sản cố định	220		137.470.264.256	125.671.463.162
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	86.663.116.365	98.992.383.821
- Nguyên giá	222		107.698.707.352	100.685.764.647
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.035.590.987)	(1.693.380.826)
2. Tài sản cố định vô hình	227	7	26.123.794.838	26.679.079.341
- Nguyên giá	228		27.094.540.635	27.094.540.635
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(970.745.797)	(415.461.294)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	24.683.353.053	-
II. Tài sản dài hạn khác	260		1.082.660.585	1.885.538.140
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	1.082.660.585	1.885.538.140
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		237.420.426.662	161.002.119.504

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu số B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		128.710.481.498	66.496.715.360
I. Nợ ngắn hạn	310		128.710.481.498	66.496.715.360
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10	22.863.193.592	13.197.649.331
2. Phải trả người bán	312		54.912.831.823	7.435.992.031
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	67.280.281	-
4. Phải trả người lao động	315		3.086.572.823	339.990.708
5. Chi phí phải trả	316		105.690.110	48.923.843
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	12	43.915.305.658	45.474.159.447
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.759.607.211	-
B - NGUỒN VỐN (400=410)	400		108.709.945.164	94.505.404.144
I. Vốn chủ sở hữu	410	13	108.709.945.164	94.505.404.144
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(1.060.758.347)	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		6.745.462.294	-
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.025.241.217	-
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-	(5.494.595.856)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		237.420.426.662	161.002.119.504



Nguyễn Vĩ Hoàn
 Giám đốc
 Lào Cai, ngày 25 tháng 01 năm 2011

Ngô Anh Tuấn
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 02-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	14	500.443.316.845	8.396.007.997
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		500.443.316.845	8.396.007.997
3. Giá vốn hàng bán	11	15	401.710.950.271	15.280.832.953
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		98.732.366.574	(6.884.824.956)
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	1.407.443.260	4.400.731
6. Chi phí tài chính	22	17	4.690.239.296	349.444.246
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.683.452.381	349.444.246
7. Chi phí bán hàng	24		16.113.351.440	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.311.011.584	2.853.589.600
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		73.025.207.514	(10.083.458.071)
10. Thu nhập khác	31		55.122.884	4.656.162.215
11. Chi phí khác	32		335.447.909	67.300.000
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(280.325.025)	4.588.862.215
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		72.744.882.489	(5.494.595.856)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	18	6.745.462.294	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		65.999.420.195	(5.494.595.856)
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	6.600	(549)



Nguyễn Văn Hoàn
 Giám đốc

Ngô Anh Tuấn
 Kế toán trưởng

Lào Cai, ngày 25 tháng 01 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết minh		
			Năm 2010	Năm 2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		72.744.882.489	(5.494.595.856)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		19.897.494.664	2.108.842.120
- Chi phí lãi vay	06		2.683.452.381	321.665.196
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		95.325.829.534	(3.064.088.540)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(48.984.188.477)	(2.025.686.679)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(7.735.016.563)	(31.128.797.353)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		52.480.941.596	31.255.930.744
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		802.877.555	(1.885.538.140)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(2.683.452.381)	(272.741.353)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(5.187.778.278)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		84.019.212.986	(7.120.921.321)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(31.696.295.758)	(5.786.093.840)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(31.696.295.758)	(5.786.093.840)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		198.077.124.649	17.963.089.331
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(188.411.580.388)	(4.765.440.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(53.849.293.662)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(44.183.749.401)	13.197.649.331
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		8.139.167.827	290.634.170
Tiền đầu năm	60		290.634.170	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(200.157.138)	-
Tiền cuối năm	70		8.229.644.859	290.634.170



Nguyễn Văn Hoàn
 Giám đốc

Lào Cai, ngày 25 tháng 01 năm 2011

Ngô Anh Tuấn
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 16 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính